

Bản án số: **312/2019/HS-ST**  
Ngày: 28/6 /2019

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Thanh Trúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Quảng Thái

2. Ông Trần Trọng Tú

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Xuân Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 166/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn V - tên gọi khác: Không; Sinh năm 1990 tại TB; Nơi ĐKNKTT: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh TB; Chỗ ở: Tổ X, phường T, thành phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, đoàn thể, chính quyền): Không; Con ông Vũ Văn T (đã chết) và con bà Nguyễn Thị K sinh năm 1948; Bị cáo có vợ Nguyễn Thị L1, sinh năm 1993, có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án: Không; Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt hành chính số 0013625 ngày 14/5/2018, Công an thành phố TH xử phạt 2.500.000đ về hành vi Xâm phạm sức khỏe người khác. Ngày 25/6/2018 V đã nộp khoản tiền trên.

Bị tạm giam từ ngày 31/01/2019 đến 15/3/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. *(Có mặt tại phiên tòa).*

2. Hoàng Văn L - tên gọi khác: Không; Sinh năm 1990 tại TH; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Xóm Y, xã P, huyện Đ, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Chí; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn:

12/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, đoàn thể, chính quyền): Không; Con ông Hoàng Văn P (đã chết), và con bà Hoàng Thị N, sinh năm 1968; Bị cáo có vợ Đào Thùy L2 sinh năm 1993, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giam từ ngày 23/01/2019 đến 15/3/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Người bị hại:*

1. Anh Phạm Ngọc V1, sinh năm 1987 – trú tại: Thôn 2 T, xã T, huyện H, tỉnh TQ (Có mặt)

2. Anh Nguyễn Đức V2, sinh năm 1987 – trú tại: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh TQ (Có mặt)

3. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1986 – trú tại: Xóm B, xã T, huyện Y, tỉnh TQ (Có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Đỗ Ca H, sinh năm 1997 – Nơi ĐKNKTT: Thôn Đ xã P, huyện P, tỉnh T (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lê Văn T1, sinh năm 2002 – Nơi ĐKNKTT: Thôn A, xã P, huyện P, tỉnh T (Vắng mặt)

2. Anh Phạm Ngọc M, sinh năm 1982 – Nơi ĐKNKTT: Đội Z, xã P, huyện P, tỉnh T (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 18/01/2019, Hoàng Văn L điều khiển xe ô tô bán tải, màu sơn đỏ nhãn hiệu Chevrolet Colorado biển kiểm soát 20C -147.xx của anh Hầu Văn K(sinh năm 1989, trú tại: Xóm Y, xã P, huyện Đ, tỉnh TH) đi từ thị trấn H, huyện Đ đến thành phố TH, đi theo hướng đường HNC. Khi đi đến đoạn đường gần ngã ba cây Đa Đán thuộc xóm C, xã Q, thành phố TH thì va chạm với xe ô tô tải biển kiểm soát 89K -25xx do anh Nguyễn Đức V2 (sinh năm 1987 - trú tại: thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh TQ) điều khiển đi phía trước cùng chiều. Trên xe của anh V2 có anh Phạm Ngọc V1 (sinh năm 1987 – trú tại: Thôn 2 T, xã T, huyện H, tỉnh TQ ) là chủ xe và anh Nguyễn Văn S (sinh năm 1986 – trú tại: Xóm B 2, xã T, huyện Y, tỉnh TQ) đi cùng. Sau khi va chạm thì xe của L điều khiển bị hỏng phần đầu bên trái của xe, còn xe của anh V1 bị cong thành xe phía sau bên phải. Cả hai bên cùng xuống kiểm tra xe và có nói chuyện với nhau. Do L điều khiển xe vượt bên phải xe tải của anh V1 không giữ được khoảng cách và tốc độ an toàn dẫn đến va chạm nên anh V1 không đồng ý bồi thường sửa xe cho L, xe ai thì tự người đó sửa. Hoàng Văn L không đồng ý cách giải quyết trên nên đã điện thoại cho Vũ Văn V là bạn đến nhờ giải quyết. Sau đó V đi TAXI cùng Bùi Thị Minh P (sinh năm 1999 – trú tại: xóm N, xã K, huyện Y, tỉnh NB) đến chỗ xảy ra va chạm. Đến

nơi, V nói chuyện với L sau đó nói chuyện với anh V1 và anh V2, đồng thời bắt anh V1 và anh V2 phải bồi thường số tiền sửa xe ô tô của L. Do anh V1 không đồng ý bồi thường nên V dùng tay tát, đánh anh V1, anh V2, anh S và bắt anh V1, anh S lên xe ô tô để về ga ra xem sửa xe ô tô hết bao nhiêu tiền, đồng ý cho V2 lái xe ô tô tải tiếp tục đi bán cam và mang tiền đến bồi thường tiền sửa xe cho L. Khi L lái xe bán tải BKS 20C -147.xx trên xe có V, anh V1, anh S đi đến ga ra ô tô Việt Nghĩa ở tổ M, phường T, thành phố TH để sửa xe. Tại đây L hỏi thợ sửa xe là anh Đoàn Ca H (sinh năm 1997 – Nơi ĐKNKTT: Thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh T) kiểm tra xe và xem hết bao nhiêu tiền. Anh H kiểm tra và nói xe sửa hết khoảng 20.000.000đ. Lúc này V1 vẫn không đồng ý trả tiền sửa xe cho L, không gọi điện thoại cho V2 mang tiền đến trả tiền sửa xe. Thấy vậy, V tiếp tục đánh anh V1, yêu cầu gọi điện cho người nhà mang số tiền 20.000.000đ đến để trả chi phí sửa xe. Thấy V đánh anh V1, L can ngăn V không đánh nữa, nhưng L đe dọa V1 và S nếu không gọi cho người nhà mang tiền đến thì sẽ cho người đánh tiếp. Lo sợ bị đánh nữa nên anh V1 đã gọi điện cho anh V2 bảo anh V2 mượn tiền mang đến ga ra ô tô Việt Nghĩa để trả tiền sửa xe. Khoảng 30 phút sau thì anh V2 mang 11.000.000đ đến đưa cho V, V đếm đủ số tiền rồi đưa cho anh H để trả tiền sửa xe ô tô. Do không đủ số tiền 20.000.000đ nên V yêu cầu anh S phải ở lại khi nào trả nốt số tiền thiếu thì mới được về, và yêu cầu 03 người đi xe ô tô tải để lại giấy tờ thì anh S để lại 02 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn S. Anh V1 và anh V2 được về đã đến Công an thành phố TH trình báo sự việc để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/01/2019 anh Đoàn Ca H tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra số tiền 11.000.000đ, 02 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Văn S.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, vật chứng thu giữ, lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

*Vật chứng vụ án gồm:*

- Số tiền 11.000.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Hiện đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Phạm Ngọc V1 quản lý, sử dụng.

- 02 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Nguyễn Văn S. Hiện đã trả lại cho anh S quản lý và sử dụng.

Về phần dân sự: Gia đình và bị cáo Hoàng Văn L, bị cáo Vũ Văn V đã thỏa thuận bồi thường cho anh Phạm Ngọc V1 số tiền sửa xe và tiền thuốc. Anh V1 đã nhận đủ, không yêu cầu bồi thường gì thêm đối với L và V.

Tại bản Cáo trạng số 149/CT – VKSNDTPHN ngày 15 tháng 3 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố các bị cáo Vũ Văn V và Hoàng Văn L về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, phù hợp với lời khai người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Vũ Văn V và Hoàng Văn L về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử:

\* Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt Vũ Văn V 36 đến 42 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 58 Bộ luật hình sự Xử phạt Hoàng Văn L từ 36 đến 42 tháng tù cho hưởng án treo. Thử thách 60 tháng.

\* Về vật chứng:

- Số tiền 11.000.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Phạm Ngọc V1 quản lý, sử dụng và 02 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Nguyễn Văn S. Hiện đã trả lại cho anh S quản lý và sử dụng.

\* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử các bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tố tụng thành phố TH trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đoàn Ca H vắng mặt không có lý do nhưng anh H có lời khai tại cơ quan điều tra, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan và phù hợp với lời trình bày của người bị hại và các chứng cứ,

tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, biên bản nhận dạng, lời khai của người bị hại, của những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Hành vi dùng vũ lực (dùng chân, tay tát, đấm người bị hại) và dùng lời nói đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc đối với người bị hại (anh Phạm Văn V1, Nguyễn Đức V2 và Nguyễn Văn S ) nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) vào khoảng 21 giờ ngày 18/01/2019 của Vũ Văn V và Hoàng Văn L đã phạm vào tội “*Cướp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự, nội dung điều luật như sau:

**Nội dung điều luật như sau:**

*“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm”.*

[3] Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe và quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý lo ngại trong nhân dân, phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

Vụ án có tính chất đồng phạm xuất phát từ việc bị cáo L va chạm giao thông với bị hại (anh V1, anh S, anh V2) nên đã gọi điện cho V đến để giải quyết. Mặc dù biết L vượt xe bên phải không đúng quy định của pháp luật nhưng V vẫn có hành vi đấm, tát bị hại, L có hành vi dùng lời nói đe dọa làm cho bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được buộc anh V1 phải gọi điện cho anh V2 mang tiền đến bồi thường tiền sửa xe, khi anh V2 mang 11.000.000đ đến đưa cho V, V đếm đủ số tiền rồi đưa cho anh H để trả tiền sửa xe ô tô. Do không đủ số tiền 20.000.000đ nên V yêu cầu anh S phải ở lại khi nào trả nốt số tiền thiếu thì mới được về, và yêu cầu 03 người đi xe ô tô tải để lại giấy tờ thì anh S để lại 02 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn S. L gọi điện cho V mặc dù không có sự bàn bạc, xúi giục, thống nhất từ trước, nhưng hành vi của các bị cáo đã làm cho bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được. Do đó các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội do các bị cáo gây ra.

[4] Xét về nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy:

Đối với bị cáo Hoàng Văn L: Bị cáo L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải đã khai nhận hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị hại là anh V1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tại phiên tòa bị hại là anh V1, anh S, anh V2 đề nghị giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đến nhà bị hại hỏi thăm, khắc phục hậu quả sửa xe và tiền thuốc. Hội đồng xét xử xem

xét cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS.

Đối với bị cáo Vũ Văn V: Bị cáo V chưa có tiền án, nhưng có tiền sự đó là tại Quyết định xử phạt hành chính số 0013625 ngày 14/5/2018, Công an thành phố TH xử phạt 2.500.000đ về hành vi Xâm phạm sức khỏe người khác. Bị cáo đã nộp phạt xong vào ngày 25/6/2018. Sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn nên cơ quan điều tra đã phải ra Quyết định truy nã đối với bị cáo. Sau đó nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật nên bị cáo đã ra đầu thú. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra bố bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc mức hình phạt cho bị cáo, song cần cách ly bị cáo một thời gian giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt tù, lẽ ra các bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung theo khoản 6 Điều 168 BLHS, nhưng xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Mức án mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Vật chứng của vụ án:

- Số tiền 11.000.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trả lại cho chủ sở hữu là anh Phạm Ngọc V1 quản lý, sử dụng; 02 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Nguyễn Văn S. Hiện đã trả lại cho anh S quản lý và sử dụng. Tại phiên tòa, anh V1, anh S không có yêu cầu gì khác do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về phần dân sự: Gia đình và bị cáo Hoàng Văn L đã bồi thường cho anh Phạm Ngọc V1 số tiền sửa xe ô tô, bị cáo Vũ Văn V tự nguyện bồi thường thương tích cho anh Phạm Ngọc V1 số tiền 1.000.000đ. Anh V1 không yêu cầu bồi thường gì thêm đối với L và V. Đối với anh V2, anh S tuy bị V đánh nhưng không gây thương tích, tại phiên tòa anh V2, anh S không có yêu cầu bồi thường. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí, quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự; Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Hành vi của Đoàn Ca H là người làm ở Ga ra ô tô đã nhận số tiền 11.000.000đ. Tuy nhiên anh H không biết số tiền đó là do các bị cáo phạm tội mà có, số tiền trên anh H cũng đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra không xử lý đối với Đoàn Ca H là phù hợp.

Đối với hành vi của bị cáo Vũ Văn V yêu cầu một trong ba người bị hại ở lại ga ra ô tô Việt Nghĩa để hai người còn lại đi lấy tiền mang đến trả tiền sửa xe ô tô. Quá trình điều tra và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn S xác định là tự nguyện ở lại, không bị ai ép buộc. Do đó Công an thành phố TH không xử lý hành vi trên là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự**

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn V và Hoàng Văn L phạm tội “Cướp tài sản”.

#### **2. Về hình phạt:**

2.1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn V 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành bản án. Được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2019 đến ngày 15/3/2019.

2.2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn L 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Văn L cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh TH giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Hoàng Văn L cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ –UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Vũ Văn V và Hoàng Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các bị cáo, người bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADSTP TH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thị Thanh Trúc**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Thanh Trúc**

